

Bình Thạnh, ngày tháng năm 2023

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai các khoản thu năm học 2023 – 2024

(theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ)

I. Thời gian: Lúc 8 giờ ngày 1 tháng 11 năm 2023

II. Địa điểm: Phòng hành chính

III. Thành phần:

1. Bà Lê Thị Hồng Thủy Chức vụ : Hiệu trưởng
2. Bà Trần Thị Hoàng Yến Chức vụ : Kế toán
3. Bà Phan Thị Bích Thủy Chức vụ : Thủ quỹ

IV. Nội dung:

Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, cụ thể như sau:

1. Công khai các khoản thu năm học 2023 - 2024 của Trường THCS Thanh Đa theo quyết định số 270./QĐ- ngày 1 tháng 11 năm 2023 của trường THCS Thanh Đa

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 1 tháng 11 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2023.

3. Địa điểm công khai: Bảng thông tin và website

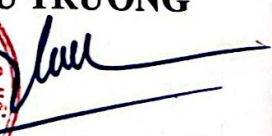
Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

Thư ký

Người niêm yết


Nguyễn Thị Kim Hương


Nguyễn Thị Hoài An


HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hồng Thủy

Bình Thạnh, ngày 11 tháng 11 năm 2023

Số: 270 /QĐ-70

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai các khoản thu năm học 2023 - 2024
của Trường THCS Thanh Đa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THANH ĐA

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 541/UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về thu học phí và các khoản thu khác năm học 2023 - 2024;

Xét đề nghị của Hội đồng Trường THCS Thanh Đa về việc công khai các khoản thu năm học 2023 - 2024 theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai công khai các khoản thu năm học 2023 – 2024 của Trường THCS Thanh Đa Đính kèm danh sách).

Thời gian thực hiện: 9 tháng (từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, kế toán và các cán bộ viên chức của Trường THCS Thanh Đa chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Lê Thị Hồng Thủy

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH ĐÀ

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI TẠI ĐƠN VỊ

(Đơn vị: đồng)

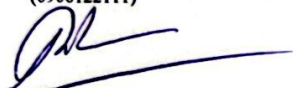
STT	NỘI DUNG	Số đồng	Đơn vị tính	Công thức tính cột f	Số dự toán năm học 2023-2024	Mức thu năm học 2022-2023	Tỷ lệ (%) tăng mức thu so với năm trước	GHI CHÚ
a	b	c	d	e	f	g	h	i
I	Số học sinh (ghi đầy đủ các khối lớp của đơn vị)	1		$1=2+3+4+5+6$	880	850		
	+ Khối 6	2			300	254		
	+ Khối 7	3			230	160		
	+ Khối 8	4			150	210		
	+ Khối 9	5			200	226		
II	Dự toán chi đối với hoạt động của trường công lập:	7		$7=8+26+...$				
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ ngày	8	đồng/học sinh/tháng/môn	8= số học sinh	880	850		
	Mức thu	9		$9=10/8$	100000	90000	0,11	
	Tổng dự toán chi :	10		$10=11+15+18+21$	88000000	76500000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	11		$11=12+13+14+...$	54540000	47720000		
+	Chi trực tiếp giảng dạy, (đơn giá * số tiết)	12	(71tiết/tuần*4 tuần*55000)+(605tiết/tuần* 4 tuần*10000)		39820000	39820000		
	Dạy thính giảng học sinh... (đơn giá * số tiết)		130 tiết/tháng		9520000	2800000		
	Giám thị		2 người		3000000	3000000		
+	GVCN làm công tác hai buổi	14	100.000 đ*22 số lớp/tháng		2200000	2100000		
-	Chi cho bộ phận gián tiếp	15		$15=16+17+...$	16500000	13200000		
+	Chi hiệu trưởng		(Hệ số 2,0 trên mức 25% của 80% tổng thu)		5000000	4000000		
+	Chi hiệu phó	16	(Hệ số 1,7 trên mức 25% của 80% tổng thu)		4250000	3400000		
+	Chi kế toán		(Hệ số 1,4 trên mức 25% của 80% tổng thu)		3500000	2800000		
+	Chi thủ quỹ	17	(Hệ số 1,0 trên mức 25% của 80% tổng thu)		2500000	2000000		
+	Chi văn thư		(Hệ số 0,5 trên mức 25% của 80% tổng thu)		1250000	1000000		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn	18		$18=19+20+...$	4240000	3895000		
+	Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học	19			4240000	3895000		
+	Chi phí khác (ghi rõ từng nội dung)	20						
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	21		$21=22+23+24+25...$	12720000	11685000		
+	Tiền điện nước	22			4240000	3895000		
+	Vật tư văn phòng	23			4240000	3895000		
+	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị	24			4240000	3895000		
+	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)	25						
2	Tiền tổ chức phục vụ quản lý và vệ sinh bán trú	26	đồng/học sinh/tháng/môn	26=số học sinh	440	350		
	Mức thu	27		$27=28/26$	180.000	165.000	0,09	
	Tổng dự toán chi :	28		$28=29+33+36+39$	79.200.000	57.750.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		$29=30+31+32+...$	48.320.000	32.550.000		
+	Bảo mẫu	30	Số hs*65000 đồng/hs/ tháng		30.550.000	21.000.000		
	Điểm danh		1000000 đồng/tháng		1.000.000	1.000.000		
	Lưu mẫu		1000000 đồng/tháng		1.000.000	1.000.000		
	GVCN hỗ trợ công tác bán trú		100.000 đ* số lớp/tháng		2.200.000	2.100.000		
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32			13.570.000	7.450.000		
-	Chi cho bộ phận gián tiếp	33		$33=34+35+...$	16.800.000	12.600.000		
+	Chi hiệu trưởng		(Hệ số 2,0 trên mức 30% của 80% tổng thu)		5.500.000	4.130.000		
+	Chi hiệu phó	16	(Hệ số 1,7 trên mức 30% của 80% tổng thu)		4.680.000	3.510.000		
+	Chi kế toán		(Hệ số 1,4 trên mức 30% của 80% tổng thu)		3.860.000	2.890.000		
+	Chi thủ quỹ	17	(Hệ số 1,0 trên mức 30% của 80% tổng thu)		2.760.000	2.070.000		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn	36		$36=37+38+...$	7.040.000	6.300.000		
+	Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học	37			3.520.000	3.150.000		
+	Chi phí khác (ghi rõ từng nội dung)	38			3.520.000	3.150.000		
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	39		$39=40+41+42+43+...$	7.040.000	6.300.000		
+	Tiền điện nước	40			3.520.000	3.150.000		

STT	NỘI DUNG	Số đồng	Đơn vị tính	Công thức tính cột f	Số dự toán năm học 2023-2024	Mức thu năm học 2022-2023	Tỷ lệ (%) tăng mức thu so với năm trước	GHI CHÚ
+	Vật tư văn phòng	41			3.520.000	3.150.000		
+	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị	42						
+	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)	43						
3	Tiền ăn bán trú	44	đồng/học sinh/ngày		440	350		
	Mức thu	45			34.000	30.000	0,13	
	Tổng dự toán chi :	46			14.960.000	10.500.000		
	Chi thanh toán cho đối tác	47			14.960.000	10.500.000		
4	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	44	40.000 đồng/học sinh/tháng		880			
	Mức thu	45			40.000		#DIV/0!	
	Tổng dự toán chi :	46			35.200.000			
	Chi thanh toán cho đối tác	47			35.200.000			
5	Tiền nước uống	44	đồng/học sinh/tháng		880	850		
	Mức thu	45			11.000	10.000	0,10	
	Tổng dự toán chi :	46			9.680.000	8.500.000		
	Chi thanh toán cho đối tác	47			9.680.000	8.500.000		
6	Tiền thiết bị vật dụng bán trú	26	đồng/học sinh/năm học	26=số học sinh	440	350		
	Mức thu	27		27=28/26	170.000	150.000	0,13	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	74.800.000	52.500.000		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn	29		29=30+31+32+...	74.800.000	52.500.000		
+	Mua sắm vật tư, đồ dùng bán trú	30			74.800.000	52.500.000		
+	Chi phí khác (ghi rõ từng nội dung)	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
7	Tiền Anh văn nước ngoài	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	100.000	100.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	88.000.000	85.000.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	70.400.000	68.000.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			70.400.000	68.000.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				17.600.000	17.000.000		
	Tiền điện nước				4.400.000	4.250.000		
	Vật tư văn phòng				8.800.000	8.500.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				4.400.000	4.250.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
8	Giáo dục stem	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	100.000	100.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	88.000.000	85.000.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	79.200.000	76.500.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			79.200.000	76.500.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				8.800.000	8.500.000		
	Tiền điện nước				2.200.000	2.125.000		
	Vật tư văn phòng				4.400.000	4.250.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				2.200.000	2.125.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
9	Thẻ dự tự chọn	26	đồng/học sinh/HK	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	140.000	140.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	123.200.000	119.000.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	110.880.000	107.100.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			110.880.000	107.100.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				12.320.000	11.900.000		
	Tiền điện nước				3.080.000	2.975.000		
	Vật tư văn phòng				6.160.000	5.950.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				3.080.000	2.975.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
10	Kỹ năng sống	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	80.000	80.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	70.400.000	68.000.000		

STT	NỘI DUNG	Số đồng	Đơn vị tính	Công thức tính cột f	Số dự toán năm học 2023-2024	Mức thu năm học 2022-2023	Tỷ lệ (%) tăng mức thu so với năm trước	GHI CHÚ
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	63.360.000	61.200.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			63.360.000	61.200.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				7.040.000	6.800.000		
	Tiền điện nước				1.760.000	1.700.000		
	Vật tư văn phòng				3.520.000	3.400.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				1.760.000	1.700.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
11	Tin học Quốc tế IC3	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	73.000	64.000	0,14	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	64.240.000	54.400.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	57.816.000	48.960.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			57.816.000	48.960.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				6.424.000	5.440.000		
	Tiền điện nước				1.606.000	1.360.000		
	Vật tư văn phòng				3.212.000	2.720.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				1.606.000	1.360.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
12	Tin học	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	20.000	20.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	17.600.000	17.000.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	3.520.000	3.400.000		
+	Chi GV dạy tiết thực hành vi tính	30			3.520.000	3.400.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				14.080.000	13.600.000		
	Tiền điện				5.280.000	5.100.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ, linh kiện máy tính				8.800.000	8.500.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị							
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
13	Giấy thi đề thi	26	đồng/học sinh/năm học	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	30.000	30.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	26.400.000	25.500.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	26.400.000	25.500.000		
+	Thu hộ chi hộ	30			26.400.000	25.500.000		
14	BHTN	26	đồng/học sinh/năm học	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	34.000	30.000	0,13	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	29.920.000	25.500.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	29.920.000	25.500.000		
+	Thu hộ chi hộ	30			29.920.000	25.500.000		
15	BHYT	26	đồng/học sinh/năm học	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	680.400	563.220	0,21	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	598.752.000	478.737.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	598.752.000	478.737.000		
+	Thu hộ chi hộ	30			598.752.000	478.737.000		
16	Học phí chính quy	8	đồng/học sinh/tháng	8=số học sinh				
	Mức thu	9	Chữ VB hướng dẫn	9=10/8			#DIV/0!	
	Tổng dự toán chi :	10		10=11+15+18+21				
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	11		11=12+13+14+...				
+	Chi trực tiếp giảng dạy, đối tác... (đơn giá * số tiết)	12						
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	13						
+	Khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)	14						
-	Chi cho bộ phận gián tiếp	15		15=16+17+...				
+	Chi ban giám hiệu (Chi tiết)	16						

STT	NỘI DUNG	Số đồng	Đơn vị tính	Công thức tính cột f	Số dự toán năm học 2023-2024	Mức thu năm học 2022-2023	Tỷ lệ (%) tăng mức thu so với năm trước	GHI CHÚ
+	Chi bộ phận hành chính (Chi tiết)	17						
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn	18		18=19+20+...				
+	Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học	19						
+	Chi phí khác (ghi rõ từng nội dung)	20						
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	21		21=22+23+24+25...				
+	Tiền điện nước	22						
+	Vật tư văn phòng	23						
+	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị	24						
+	Chi CCTL	25						

Người lập Bảng
(0908122111)



Trần Thị Hoàng Yến

Lưu ý:

- Đơn vị thực hiện dự toán thu chi tất cả nguồn thu tại đơn vị.
- Cột g chỉ điền số liệu vào những ô có ghi chú
- Cột Ghi chú ghi rõ nội dung chi tăng so với năm trước dẫn đến mức thu tăng.
- Đối với nội dung chi khác ở dòng 14, 20, 25,... ghi rõ đầy đủ các nội dung chi tại đơn vị nếu có

Ngày tháng năm 2023

Thủ Trưởng Đơn Vị



Lê Thị Hồng Thủy

Bình Thạnh, ngày 10 tháng 11 năm 2023

BIÊN BẢN

V/v kết thúc niêm yết công khai các khoản thu năm học 2023 – 2024

(theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ)

I. Thời gian: Lúc 9 giờ 00 ngày 30 tháng 11 năm 2023

II. Địa điểm: Phòng hiệu trưởng

III. Thành phần:

1. Bà Lê Thị Hồng Thủy Chức vụ : Hiệu trưởng
2. Bà Trần Thị Hoàng Yến Chức vụ : Kế toán
3. Bà Phan Thị Bích Thủy Chức vụ : Thủ quỹ

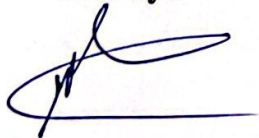
IV. Nội dung:

Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, cụ thể như sau:

Kết thúc công khai các khoản thu năm học 2023 – 2024 của Trường THCS Thanh Đa theo quyết định số 110/QĐ- ngày 1 tháng 1 năm 2023 của trường THCS Thanh Đa

Biên bản được lập xong vào lúc 9. giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

Thư ký



Nguyễn Thị Kim Hương

Người gỡ niêm yết



Nguyễn Thị Hoài An

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hồng Thủy